



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

---oOo---

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

Số: 1052/CV-TCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP**
 - Mã chứng khoán: CC1
 - Địa chỉ trụ sở chính: 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM, Việt Nam.
 - Điện thoại: 028.38.222.059 Fax: 028.38.290.500
 - Email: info@cc1.vn
- Nội dung của thông tin công bố: Ngày 18/07/2024, Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP nhận được Bản án số 05/2024/KDTM-PT ngày 05/06/2024 của Tòa án Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa về việc Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình.
- Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/7/2024 tại đường dẫn: <https://www.cc1.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Bảo Anh

Bản án số: 05/2024/KDTM-PT
Ngày: 05/6/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng công trình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thúy Phượng;
Bà Võ Thị Trâm.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2023/KDTM-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2024/QĐXXKDTM-PT ngày 18 tháng 01 năm 2024; Thông báo dời ngày xét xử số: 02/2024/TB-KDTM ngày 02/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐ-KDTM ngày 27/2/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2024/QĐ-PT ngày 27/3/2024, Thông báo dời ngày xét xử số: 03/2024/TB-KDTM ngày 22/4/2024 và số 05/2024/TB-KDTM ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP; địa chỉ: 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Nga; địa chỉ: Chung cư Phú Đông Premier, 42 Lê Trọng Tấn, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Theo Giấy ủy quyền số 1896/TCT-PC ngày 20/11/2023 của Tổng giám đốc Công ty Xây dựng số 1 – CTCP). Có mặt.

2. Ông Trần Mạnh Tú; địa chỉ: 51 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 1896/TCT-PC ngày 20/11/2023 của Tổng giám đốc Công ty Xây dựng số 1 – CTCP). Vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang; địa chỉ: 40 Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hoàng Sang; địa chỉ thường trú: 111 An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 40 Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Lê Thành Tín; địa chỉ: 1.26 Lô A, Chung cư Gia Phú, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 40 Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

(Theo Giấy ủy quyền số 61/2023/GUQ-MNĐ ngày 09/12/2023 của Tổng giám đốc Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Sáng và ông Phạm Công Dũng đều là Luật sư – Công ty Luật TNHH MTV Công Hùng và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, nội dung vụ án như sau:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Tổng công ty xây dựng số 1-CTCP (Sau đây viết tắt là CC1) với Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang (Sau đây viết tắt là Công ty Miền Nhiệt Đới) ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 90/2016/HĐTC/TRO-CC1 ngày 28/7/2016 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 90) và Phụ lục hợp đồng số 335/2016/HĐ/TRO-CC1 ngày 20/12/2016 (Sau đây viết tắt là Phụ lục số 335). Theo đó, CC1 là nhà thầu sẽ thi công gói thầu “Thi công, là thí nghiệm cọc thử TP1A, TP2 và TP3” của Công trình khu phức hợp Thương mại – Khách sạn - Căn hộ du lịch Tropicana tại số 40 Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (Sau đây viết tắt là Công trình 40 Trần Phú). Tổng giá trị hợp đồng là 2.733.911.851 đồng. Trong quá trình thi công Công ty Miền Nhiệt Đới đã giao thêm khối lượng thi công cọc thử TP1 cho CC1 thi công (Do việc thi công phát sinh trên công trường nên các bên không ký phụ lục hợp đồng). Căn cứ vào đơn giá trong hợp đồng đã ký, giá trị khối lượng phát sinh của cọc TP1 là 620.886.526 đồng.

Công ty Miền Nhiệt Đới đã thanh toán cho CC1 là 2.460.520.666 đồng. CC1 đã hoàn tất việc thi công gói thầu nêu trên, bao gồm 04 cọc là TP1A, TP2, TP3 và TP1. Số tiền còn lại Công ty Miền Nhiệt Đới chưa thanh toán cho CC1 là 894.277.711 đồng. Trong đó, giá trị trong hợp đồng chưa thanh toán là 273.391.185 đồng và giá trị cọc TP1 phát sinh là 620.886.526 đồng. CC1 yêu cầu Công ty Miền Nhiệt Đới phải thanh toán cho CC1 giá trị cọc TP1, vì:

Tại Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành ngày 26/12/2016, Công ty Miền Nhiệt Đới đã xác nhận có phát sinh khối lượng ngoài hợp đồng cọc TP1 (tại mục C - Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng cọc khoan nhồi D1500-TP1).

Tại Phiếu yêu cầu nghiệm thu hoàn thành công việc thi công và Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công công việc xây dựng ngày 05/01/2017, Công ty

Miền Nhiệt Đới đã tiến hành nghiệm thu công tác thi công cọc thử TP1, biên bản nêu rõ: "...*Chất lượng công việc xây dựng đạt yêu cầu, đánh giá sự phù hợp về thiết kế đạt yêu cầu, đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn đạt yêu cầu, quy phạm kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật của công trình xây dựng đều phù hợp và chấp nhận nghiệm thu cọc TP1 làm cọc đại trà...*".

Tại các biên bản họp ngày 04/10/2016 và ngày 07/10/2016, thể hiện Công ty Miền Nhiệt Đới đồng ý nghiệm thu cọc TP1 đã thi công cho CC1. Công ty Miền Nhiệt Đới sẽ dùng cọc TP1 làm cọc đại trà. Việc Công ty Miền Nhiệt Đới đồng ý nghiệm thu cọc TP1 cho CC1 thì Công ty Miền Nhiệt Đới phải có nghĩa vụ thanh toán khối lượng thi công này theo giá cọc thử. Hai bên không có thỏa thuận về việc sẽ chuyển giá cọc thử thành giá cọc đại trà khi thanh toán cọc TP1. Cọc TP1 phát sinh nằm trong gói thầu thi công, thí nghiệm cọc thử mà không phải nằm trong gói thầu thi công cọc khoan nhồi đại trà.

Do vậy, việc Công ty Miền Nhiệt Đới cho rằng hai bên đã đồng ý chuyển cọc thử TP1 sang làm cọc đại trà nên yêu cầu CC1 chuyển hồ sơ quyết toán cọc thử TP1 sang quyết toán của gói thầu thi công cọc khoan nhồi đại trà là không phù hợp, gây khó khăn cho việc thanh quyết toán khối lượng công việc mà CC1 đã thực hiện. Mặt khác, CC1 cũng đã bàn giao đầy đủ toàn bộ hồ sơ thanh quyết toán gói thầu cho Công ty Miền Nhiệt Đới và Công ty Miền Nhiệt Đới cũng không có ý kiến phản đối. CC1 đã gửi cho Công ty Miền Nhiệt Đới nhiều văn bản yêu cầu thanh toán nhưng Công ty Miền Nhiệt Đới không có ý kiến phản hồi cho CC1. Do đó, việc Công ty Miền Nhiệt Đới cho rằng CC1 thi công cọc TP1 không phải là khối lượng phát sinh theo Hợp đồng số 90 và cho rằng cọc TP1 không đạt chất lượng kỹ thuật làm cọc thử và cũng không đạt chất lượng kỹ thuật làm cọc đại trà. Đồng thời, Công ty Miền Nhiệt Đới không sử dụng cọc TP1 nên không đồng ý thanh toán giá trị cọc TP1 cho CC1 là không có căn cứ. CC1 đã tính giá trị cọc phát sinh TP1 là giá cọc đại trà mà không tính giá cọc thử.

Do đó, CC1 yêu cầu Công ty Miền Nhiệt Đới phải thanh toán cho CC1 các khoản tiền như sau:

- + Thanh toán giá trị trong Hợp đồng số 90 là 273.391.185 đồng;
- + Thanh toán giá trị cọc TP1 phát sinh ngoài Hợp đồng số 90 là 602.230.714 đồng;
- + Thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán giá trị khối lượng công việc như sau: Lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 10/9/2018 cho đến ngày xét xử là $602.230.714đ \times 9\%/năm \times 58$ tháng (làm tròn) = 261.970.360 đồng. Lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 10/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là $273.391.185đ \times 9\%/năm \times 58$ tháng (làm tròn) = 118.925.165 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty Miền Nhiệt Đới phải thanh toán cho CC1 là 1.256.517.000 đồng (*Một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng*).

** Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn Công ty Miền Nhiệt Đới, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp trình bày:*

Công ty Miền Nhiệt Đới ký kết với CC1 Hợp đồng số 90 và Phụ lục số 335 để thi công gói thầu Công trình số 40 Trần Phú. Tổng giá trị hợp đồng là 2.733.911.851 đồng. Công ty Miền Nhiệt Đới đã thanh toán cho CC1 là

2.460.520.666 đồng; giá trị trong hợp đồng chưa thanh toán là 273.391.185 đồng (là giá trị 10% của hợp đồng). CC1 yêu cầu Công ty Miền Nhiệt Đới phải thanh toán cho CC1 giá trị cọc TP1 là giá trị phát sinh ngoài hợp đồng của Hợp đồng số 90, Công ty Miền Nhiệt Đới không đồng ý, vì:

+ CC1 sẽ thi công gồm 03 cọc TP1, TP2, TP3. Quá trình thi công cọc TP1 đã không đạt chất lượng cọc thử theo hợp đồng. Do đó, CC1 đã thay thế bằng cọc TP1A (việc này thể hiện tại các biên bản họp ngày 04/10/2016; biên bản họp ngày 07/10/2016; Biên bản nghiệm thu ngày 05/01/2017). Việc thi công cọc thử TP1 của CC1 hoàn toàn không đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định tại Hợp đồng số 90. Công ty Miền Nhiệt Đới hoàn toàn có quyền từ chối nghiệm thu cọc thử TP1 mà không chịu bất kỳ chi phí nào khác và buộc Công ty CC1 phải thi công cọc thử khác đúng tiêu chuẩn.

+ Công ty CC1 đã thi công TP1A thay thế cọc TP1 không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Đây là hợp đồng trọn gói nên mọi rủi ro Nhà thầu đều phải chịu trách nhiệm. Vì vậy, cọc TP1 không phải là khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng. CC1 yêu cầu Công ty Miền Nhiệt Đới thanh toán cọc TP1 cho CC1 theo giá cọc đại trà (Theo Hợp đồng xây dựng số 05/2017/HĐXD ngày 07/8/2017 được ký kết giữa CC1 với Công ty Miền Nhiệt Đới). Cọc TP1 không được dùng làm cọc đại trà vì bản vẽ thiết kế của gói thầu “Cọc khoan nhồi đại trà” quy định vị trí cụ thể của 272 cọc để đảm bảo tính thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật nhưng cọc TP1 lại không nằm đúng vị trí mà bản vẽ yêu cầu nên không thể sử dụng cọc TP1 làm cọc đại trà. Kích thước đường kính tiêu chuẩn của cọc TP1 cũng không đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật cọc khoan nhồi đại trà đã được phê duyệt. Do đó, cọc TP1 không đáp ứng đủ tiêu chuẩn kỹ thuật để làm cọc thử, đồng thời cũng không đáp ứng điều kiện kỹ thuật để làm cọc đại trà. Mặt khác, thực tế tại Công trình số 40 Trần Phú, cọc TP1 cũng không nằm trong danh sách 272 cọc đại trà của gói thầu “Cọc khoan nhồi đại trà”. Vì vậy, đối với cọc TP1 thì Công ty Miền Nhiệt Đới đã không sử dụng làm cọc thử và cũng không sử dụng làm cọc đại trà. Các cọc TP1A, TP2, TP3 đã được các bên xác nhận nghiệm thu làm cọc thử theo biên bản nghiệm thu ngày 05/01/2017. Đối với cọc TP1 do không đủ điều kiện nên không thể dùng làm cọc thử và sau này cũng không phù hợp để làm cọc đại trà nên đến thời điểm hiện tại không có căn cứ để Công ty Miền Nhiệt Đới Nha Trang tiến hành nghiệm thu, quyết toán. CC1 cho rằng, tại các biên bản họp ngày 04/10/2016, ngày 07/10/2016, biên bản nghiệm thu, thể hiện Công ty Miền Nhiệt Đới đã đồng ý nghiệm thu cọc TP1 làm cọc đại trà là không đúng, bởi vì, việc nghiệm thu cọc TP1 chỉ do ông Nguyễn Văn Nam là tư vấn giám sát ký mà Chủ đầu tư chưa xác nhận. Cho đến ngày 05/01/2017, mới có biên bản nghiệm thu có xác nhận của chủ đầu tư đối với 03 cọc TP1A, TP2, TP3 mà không có cọc TP1. Như vậy, theo Điều 44 của Hợp đồng số 90 thì cọc TP1 chưa được nghiệm thu. Mặt khác, tại bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán ngày 09/01/2017, xác định giá trị thanh toán là 2.733.911.851 đồng (đã bao gồm VAT). Đây là giá trị thanh toán theo Hợp đồng số 90 và Phụ lục số 335. Tuy nhiên, bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán này không bao gồm giá trị cọc thử TP1 trị giá 620.886.526 đồng. CC1 đã bàn giao hồ sơ đề nghị thanh quyết toán cọc TP1 theo giá cọc đại trà cho Công ty Miền Nhiệt Đới và cho rằng Công ty Miền Nhiệt Đới không có ý kiến phản hồi. Tuy nhiên, quyền yêu cầu là của nhà thầu, Công ty Miền Nhiệt Đới có chấp nhận thanh toán hay không là quyền của chủ đầu tư. Công ty Miền Nhiệt

Đới chấp nhận thanh toán cho CC1 số tiền 273.391.185 đồng còn lại của Hợp đồng số 90 và Phụ lục số 335. Công ty Miền Nhiệt Đới không có lỗi trong việc chậm thanh toán nên không chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 10/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là $273.391.185 \text{ đ} \times 9\%/năm \times 58 \text{ tháng} = 118.925.165 \text{ đồng}$.

Công ty Miền Nhiệt Đới không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CC1 buộc Công ty Miền Nhiệt Đới thanh toán giá trị phát sinh khi thi công thêm cọc thử TP1 là 602.230.714 đồng và toàn bộ số tiền lãi suất do chậm thanh toán tính từ ngày 10/9/2018 cho đến ngày xét xử là $602.230.714 \text{ đ} \times 9\%/năm \times 58 \text{ tháng} = 261.970.360 \text{ đồng}$.

* Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2023/KDTM-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang quyết định:

- Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 85, Điều 87, Điều 302, Điều 303, Điều 304 và Điều 306 Luật thương mại;

- Căn cứ Điều 112, Điều 113, Điều 144, Điều 145 và Điều 146 Luật Xây dựng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP; Buộc bị đơn Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.256.517.424 đồng (*Một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm mười bảy ngàn bốn trăm hai mươi bốn đồng*); trong đó, giá trị trong hợp đồng là 273.391.185 đồng; giá trị cọc TP1 phát sinh ngoài hợp đồng là 602.230.714 đồng; lãi suất chậm thanh toán là 380.895.525 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quy định thi hành án về tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/8/2023, Công ty Miền Nhiệt Đới có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, vì: Bản án sơ thẩm đã buộc Công ty Miền Nhiệt Đới phải thanh toán cho CC1 số tiền 1.256.517.424 đồng, trong đó: Giá trị trong hợp đồng là 273.391.185 đồng, giá trị cọc TP1 phát sinh ngoài hợp đồng là 602.230.714 đồng, lãi suất chậm thanh toán là 380.895.525 đồng là không có căn cứ. Công ty Miền Nhiệt Đới chỉ chấp nhận thanh toán cho CC1 số tiền 273.391.185 đồng còn lại của Hợp đồng số 90 và Phụ lục số 335; không đồng ý thanh toán tiền lãi của số tiền 273.391.185 đồng vì Công ty Miền Nhiệt Đới không có lỗi; không chấp nhận yêu cầu của CC1 buộc Công ty Miền Nhiệt Đới thanh toán giá trị thi công cọc TP1.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Miền Nhiệt Đới giữ nguyên kháng cáo và cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Công ty Miền Nhiệt Đới đồng ý với trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm là cọc TP1A là cọc thay thế cho cọc TP1 do cọc TP1 bị lỗi, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của cọc thử theo Hợp đồng số 90 nên CC1 đã làm lại cọc TP1A thay thế cọc TP1, cọc TP1 không phải là cọc phát sinh. Cọc TP1 không đảm bảo tính thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, không nằm đúng vị trí thiết kế, không

thể sử dụng cọc TP1 làm cọc đại trà nên không có căn cứ để Công ty Miền Nhiệt Đới tiến hành nghiệm thu, quyết toán. Tại biên bản họp ngày 04/10/2016, ngày 07/10/2016, biên bản nghiệm thu, việc nghiệm thu cọc TP1 chỉ do ông Nguyễn Văn Nam là tư vấn giám sát ký mà Chủ đầu tư chưa xác nhận và đến ngày 05/01/2017 mới có biên bản nghiệm thu có xác nhận của chủ đầu tư đối với 03 cọc TP1A, TP2, TP3 mà không có cọc TP1.

Tại bản Nghiệm thu hoàn thành thi công công việc xây dựng ghi ngày “5” tháng “1” năm “2017” kết luận “*Chấp nhận nghiệm thu cọc TP1 làm cọc đại trà*” (BL số 26 và 249), theo biên bản về giao nộp và công khai tài liệu chứng cứ không ghi ngày tháng năm, tuy nhiên, sau đó có việc ghi ngày “5” tháng “1” năm “2017” bằng bút chì vào tài liệu này. Tại bản Nghiệm thu hoàn thành thi công công việc xây dựng ngày 5 tháng 1 năm 2017 kết luận “*Chấp nhận nghiệm thu cọc TP1A, TP2, TP3 đưa vào sử dụng làm cọc thử*” (BL số 35 và 36), biên bản này có giá trị pháp lý và không có việc nghiệm thu cọc TP1. Như vậy, việc ghi ngày “5” tháng “1” năm “2017” bằng bút chì tại bản Nghiệm thu hoàn thành thi công công việc xây dựng (BL số 26 và 249) là việc làm sai lệch hồ sơ vụ án, biên bản không có giá trị pháp lý, Tòa án cấp sơ thẩm dùng tài liệu này làm chứng cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng pháp luật và không có căn cứ.

Công ty Miền Nhiệt Đới không sử dụng cọc TP1, TP2, TP3, TP1A làm cọc đại trà, cọc TP1 không nằm trong danh sách cọc đại trà của gói thầu nên Công ty Miền Nhiệt Đới không thanh toán cho CC1 là có cơ sở, việc CC1 yêu cầu Công ty Miền Nhiệt Đới thanh toán giá trị cọc TP1 là 602.230.714 đồng là không có cơ sở.

Công ty Miền Nhiệt Đới đồng ý thanh toán số tiền 273.391.185 đồng cho CC1 theo 10% giá trị hợp đồng còn lại nhưng đối với số tiền lãi chậm thanh toán thì Công ty Miền Nhiệt Đới không đồng ý vì Công ty CC1 chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán gói thầu thi công cọc thử và hồ sơ quyết toán của CC1 chưa được kiểm toán theo đúng quy định đã thỏa thuận tại Điều 4 Phụ lục số 335 nên Công ty Miền Nhiệt Đới không có lỗi trong việc chậm thanh toán.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty Miền Nhiệt Đới, sửa bản án sơ thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của CC1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận kháng cáo của Công ty Miền Nhiệt Đới và trình bày:

Hợp đồng số 90 và Phụ lục số 335 là hợp đồng trọn gói có giá trị 2.733.911.851 đồng, CC1 thi công 03 cọc thử cho Công ty Miền Nhiệt Đới, hợp đồng không xác định tên các cọc thử, việc đặt tên TP1, TP2, TP3 được thực hiện trong quá trình thi công. Do cọc TP1 bị lỗi nên CC1 đã tiến hành thi công cọc TP1A thay thế cọc TP1, cọc TP1 không phải là cọc phát sinh vì cọc TP1 được thi công trước; cọc TP1A không phải cọc phát sinh mà là cọc thay thế cọc TP1.

Đối với bản Nghiệm thu hoàn thành thi công công việc xây dựng (BL số 26, 249) do CC1 nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm không ghi ngày tháng năm, việc ghi ngày “5” tháng “1” năm “2017” bằng bút chì CC1 không biết. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/3/2024, CC1 đã xuất trình bản chính bản Nghiệm thu hoàn thành thi công công việc xây dựng không ghi ngày tháng năm nhưng CC1 không giao nộp cho Tòa án nên thư ký phiên tòa đã photo và trả lại bản chính cho CC1. Hội

đồng xét xử yêu cầu nộp bản chính nhưng CC1 không giao nộp mà đã photo có xác nhận của CC1 gửi qua đường bưu điện cho Tòa án.

Tại các biên bản họp ngày 04/10/2016 và ngày 07/10/2016, thể hiện Công ty Miền Nhiệt Đới đồng ý nghiệm thu cọc TP1. Công ty Miền Nhiệt Đới sẽ dùng cọc TP1 làm cọc đại trà. Việc Công ty Miền Nhiệt Đới đồng ý nghiệm thu cọc TP1 cho CC1 thì Công ty Miền Nhiệt Đới phải có nghĩa vụ thanh toán theo giá cọc đại trà. Việc Công ty Miền Nhiệt Đới thực tế có sử dụng cọc TP1 làm cọc đại trà hay không là việc của Công ty Miền Nhiệt Đới, không phải trách nhiệm của CC1, CC1 cũng không có tài liệu chứng minh thực tế Công ty Miền Nhiệt Đới có sử dụng cọc TP1 làm cọc đại trà hay không.

Về giá trị cọc TP1 là 602.230.714 đồng đã được CC1 trình bày ở Tòa án cấp sơ thẩm. CC1 đã nhận được Văn bản số: 998/2024/TB-KDTM ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa yêu cầu CC1 có văn bản giải trình và cung cấp chứng cứ về giá trị cọc TP1 nhưng CC1 không thực hiện vì: Cọc TP1 nằm dưới nền móng Công trình số 40 Trần Phú, không thể giám định, định giá được. CC1 xác định giá cọc TP1 là 602.230.714 đồng tương đương cọc đại trà có đường kính 1200mm là có lợi cho Công ty Miền Nhiệt Đới.

Vì vậy, Công ty Miền Nhiệt Đới có nghĩa vụ thanh toán cho CC1 giá trị cọc TP1 là 602.230.714 đồng và tiền lãi phát sinh.

Đối với yêu cầu buộc Công ty Miền Nhiệt Đới thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo hợp đồng là có cơ sở, vì CC1 đã bàn giao đầy đủ toàn bộ hồ sơ thanh quyết toán gói thầu cho Công ty Miền Nhiệt Đới và công ty Miền Nhiệt Đới cũng không có ý kiến phản đối.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của CC1, buộc Công ty Miền Nhiệt Đới phải thanh toán cho CC1 lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền 273.391.185 đồng tính từ ngày 10/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là $273.391.185đ \times 9\%/năm \times 58 \text{ tháng} = 118.925.165$ đồng là không có căn cứ, kháng cáo của bị đơn về nội dung này có căn cứ chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán giá trị cọc thử TP1 là có căn cứ, tuy nhiên, việc xác định giá cọc TP1 là 602.230.714 đồng là không có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác định giá cọc TP1.

Đối với yêu cầu của CC1 về buộc Công ty Miền Nhiệt Đới thanh toán cho CC1 số tiền 273.391.185 đồng theo hợp đồng đã được bản án sơ thẩm tuyên, bị đơn đồng ý và không kháng cáo nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác định giá cọc TP1: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/3/2024, người đại diện theo ủy quyền của CC1 trình bày giá trị cọc TP1 là 602.230.714 đồng như đã trình bày ở cấp sơ thẩm và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Ngày 27/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Văn bản số: 998/2024/TB-KDTM yêu cầu CC1 có văn bản giải trình và cung cấp chứng cứ về giá trị cọc TP1, nhưng CC1 không thực hiện. Tại phiên tòa ngày 05/6/2024, CC1 giữ nguyên việc xác định giá cọc TP1 là 602.230.714 đồng và trình bày cọc TP1 nằm dưới nền móng công trình, không thể giám định, định giá được. Bị đơn xác định không có căn cứ xác định giá trị cọc TP1 do bị lỗi và nằm sâu dưới nền móng công trình, giữa các bên không có thỏa thuận giá cọc TP1. Vì vậy, không có căn cứ tạm ngừng phiên tòa để xác định giá trị cọc TP1.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về Hợp đồng số 90 và Phụ lục số 335: Ngày 28/7/2015 Tổng công ty Xây dựng số 1 – CTCP và Công ty Miền Nhiệt Đới ký kết Hợp đồng thi công số 90/2016/HĐTC-TRO-CC1 về việc “*Thi công, thí nghiệm cọc thử*” công trình Khu phức hợp Thương mại – Khách sạn – Căn hộ du lịch Tropicana Nha Trang (tại số 40 Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa). Ngày 20/12/2016, hai bên ký Phụ lục Hợp đồng số 335/2016/HĐ-TRO-CC1 về việc “*Thi công, thí nghiệm cọc thử*” sửa đổi một số điều khoản của Hợp đồng số 90. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự xác định Hợp đồng số 90 và Phụ lục số 335 là hợp đồng trọn gói có giá trị: 2.733.911.851 đồng, theo đó CC1 thi công 03 cọc thử cho Công ty Miền Nhiệt Đới, việc đặt tên cọc TP1, TP2, TP3 là do quá trình thi công đặt ký hiệu. Thực tế, do cọc TP1 bị lỗi nên CC1 đã tiến hành thi công cọc TP1A thay thế cọc TP1 mà không có thỏa thuận giữa các bên. Như vậy, Hợp đồng số 90 và Phụ lục số 335 giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực thực hiện theo Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về kháng cáo không đồng ý thanh toán lãi của số tiền 273.391.185 đồng: Hợp đồng số 90 và Phụ lục số 335 có giá trị: 2.733.911.851 đồng. Các bên đều thừa nhận Công ty Miền Nhiệt Đới đã thanh toán cho CC1 số tiền 2.460.520.666 đồng (chiếm 90% giá trị HĐ).

Tại Điều 4 (Phụ lục số 335) sửa đổi một phần ĐKC 36.1 Phương thức thanh toán có quy định:

“Phần thi công cọc:

* *Đợt 1: Nhà thầu sẽ được thanh toán đến 90% giá trị Phần thi công cọc được Tư vấn và chủ đầu tư nghiệm thu khối lượng hoàn thành (sau khi Chủ đầu tư trừ 22% tiền tạm ứng phần thi công cọc).*

* *Đợt 2: Nhà thầu sẽ được thanh toán 5% tổng giá trị khối lượng hoàn thành nghiệm thu của Phần thi công cọc kể từ ngày Tư vấn và Chủ đầu tư chấp thuận hồ sơ quyết toán đã được kiểm toán (đơn vị kiểm toán do Chủ đầu tư chỉ định).*

Phần Thí nghiệm cọc:

* *Đợt 1: Nhà thầu sẽ được thanh toán đến 90% giá trị thí nghiệm cọc sau khi Nhà thầu đệ trình cho Chủ đầu tư Hồ sơ về kết quả thí nghiệm cọc (sau khi Chủ đầu tư trừ 21% tiền tạm ứng phần thí nghiệm).*

** Đợt 2: Nhà thầu sẽ được thanh toán 5% tổng giá trị khối lượng hoàn thành nghiệm thu của Kết quả Thí nghiệm cọc kể từ ngày Tư vấn và Chủ đầu tư chấp thuận hồ sơ quyết toán đã được kiểm toán (đơn vị kiểm toán do Chủ đầu tư chỉ định)”.*

Hồ sơ quyết toán Hợp đồng số 90 và Phụ lục số 335 chưa được kiểm toán do Công ty Miền Nhiệt Đới không chỉ định đơn vị kiểm toán đối với hồ sơ quyết toán; CC1 đã không có ý kiến về việc này, không thực hiện việc yêu cầu Ngân hàng bảo lãnh bảo hành, nên thực tế CC1 không có Chứng thư bảo lãnh bảo hành để cung cấp cho Công ty Miền Nhiệt Đới theo quy định tại Điều 4 của Phụ lục số 335. Việc nghiệm thu của việc thí nghiệm cọc giữa các bên đến nay chưa hoàn thành nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của CC1 về tính lãi đối với 5% thuộc phạm vi giá trị khối lượng hoàn thành nghiệm thu của kết quả thí nghiệm cọc và 5% thuộc phạm vi giá trị bảo hành.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của CC1, buộc Công ty Miền Nhiệt Đới phải thanh toán cho CC1 tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 273.391.185 đồng tính từ ngày 10/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm: $273.391.185đ \times 9\%/năm \times 58 \text{ tháng} = 118.925.165 \text{ đồng}$ là không có căn cứ; kháng cáo của bị đơn đối với nội dung này có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về kháng cáo không thanh toán giá trị thi công cọc TP1 là 602.230.714 đồng và tiền lãi phát sinh:

[2.3.1] Tại Biên bản họp số 163/2016/BB-MNĐ ngày 04/10/2016 thể hiện nội dung: “... CĐT: Anh Nguyễn Văn Nam – Giám sát không đồng ý nghiệm thu cọc TP1 làm cọc thử, Anh Nguyễn Song Tùng - Trưởng phòng KT không đồng ý nghiệm thu cọc TP1 làm cọc thử... CC1: Đề xuất làm lại thí nghiệm chứng minh khả năng chất tải vật liệu. Trong trường hợp cọc TP1 không đủ điều kiện làm cọc thí nghiệm thì sẽ dùng làm cọc đại trà...”. Như vậy, ông Nguyễn Văn Nam – Giám sát không đồng ý nghiệm thu cọc TP1 làm cọc thử.

Tại Biên bản họp số 168/2016/BB-MNĐ ngày 07/10/2016 có sự tham gia của Công ty Tropicana Nha Trang: Ông Nguyễn Song Tùng - Trưởng phòng Kiểm tra; ông Huỳnh Châu Năm - Giám sát; Công ty CC1: Ông Đặng Ngọc Trường Thanh. Theo đó, CC1 có ý kiến “*Quyết định dùng cọc TP1 làm cọc đại trà; Tiến độ: 01 ngày sau khi nhận được thiết kế Arup gửi, CC1 sẽ gửi CĐT bảng tiến độ chi tiết; Đề xuất thanh toán 4 cọc trong đợt 1*”; Công ty Miền Nhiệt Đới có ý kiến: “*CĐT đã yêu cầu Arup chậm nhất trong thứ hai 10/10/2016 gửi văn bản về thiết kế mới (vị trí mới khoan lại) cọc TP1; Thống nhất ngay khi có giá cọc đại trà sẽ thanh toán cho CC1*”. Cuộc họp đã kết luận: “*Dùng cọc TP1 làm cọc đại trà; Dự kiến Thứ ba 11/10/2016 CC1 gửi CĐT bảng tiến độ chi tiết sau khi CC1 nhận được thiết kế phê duyệt; CĐT phản hồi bằng văn bản về Công văn 1803/TCT-QLDA3 cho CC1*”. Tuy nhiên, việc họp không có đại diện quyết định về tài chính của Công ty Miền Nhiệt Đới tham gia (Đại diện theo pháp luật) nên không có thẩm quyền quyết định việc chấp nhận thanh toán cọc TP1 theo giá cọc đại trà và không được Công ty Miền Nhiệt Đới chấp nhận.

Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành (Đợt 1) ngày 26/12/2016 trong đó có khối lượng hoàn thành cọc TP1 được ghi nhận tại mục C – khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng cọc khoan nhồi D1500-TP1. Tại mục III. Kết luận: Đồng ý nghiệm thu thanh toán - Đại diện Chủ đầu tư ông Nguyễn Văn Nam ký tên là

không đúng với chức năng Giám sát trưởng. Ông Nam không được Công ty Miền Nhiệt Đới ủy quyền, không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty Miền Nhiệt Đới và không được Công ty Miền Nhiệt Đới đồng ý chấp nhận việc đại diện Công ty nên việc ký xác nhận của ông Nguyễn Văn Nam tại Biên bản là không có giá trị pháp lý. Vì vậy, ngày 05/01/2017, Hội đồng nghiệm thu với thành phần tham gia: Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Nhà thầu xây dựng chấp nhận nghiệm thu cọc TP1A, TP2, TP3 đưa vào sử dụng làm cọc thử.

Tại bản Nghiệm thu hoàn thành thi công công việc xây dựng (BL số 26, 249) kết luận "*Chấp nhận nghiệm thu cọc TP1 làm cọc đại trà*" và theo biên bản kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ là bản photo ngày tháng năm để trống. Nhưng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, bản này ghi ngày "5" tháng "1" năm "2017" bằng bút chì và không được bị đơn chấp nhận, tại bản chính do CC1 xuất trình tại phiên tòa ngày 27/3/2024 ngày tháng năm để trống, do người đại diện CC1 không giao nộp cho Tòa án nên thư ký phiên tòa đã photo lại, Tòa án có văn bản số 998/TB-KDTM ngày 27/3/2024 yêu cầu CC1 giao nộp bản chính nhưng CC1 không giao nộp. Cũng tại bản Nghiệm thu hoàn thành thi công công việc xây dựng ngày 5/01/2017 (BL số 35, 36) kết luận "*Chấp nhận nghiệm thu cọc TP1A, TP2, TP3 đưa vào sử dụng làm cọc thử*". Như vậy, bản Nghiệm thu hoàn thành thi công công việc xây dựng (BL số 26, 249) không có giá trị pháp lý, việc Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng để làm chứng cứ là chưa chính xác.

[2.3.2] Công ty Miền Nhiệt Đới không sử dụng cọc TP1, TP1A, TP2, TP3 làm cọc đại trà vì: Bản thiết kế của gói thầu "*Cọc khoan nhồi đại trà*" quy định vị trí của 272 cọc để đảm bảo tính thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, nhưng cọc TP1 lại không nằm đúng vị trí thiết kế yêu cầu nên không thể sử dụng cọc TP1 làm cọc đại trà; kích thước đường kính tiêu chuẩn của các cọc khoan nhồi đại trà là: 800mm, 1000mm, 1200mm, 1800mm, trong khi kích thước đường kính cọc TP1 là 1500mm nên không đáp ứng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật cọc khoan nhồi đại trà được phê duyệt. Đồng thời, thực tế thi công, danh sách 272 cọc khoan nhồi đại trà do CC1 thực hiện theo gói thầu "*Cọc khoan nhồi đại trà*" theo Hợp đồng số 05 ngày 07/8/2017 không có cọc đường kính 1500mm và không có cọc TP1, TP1A, TP2, TP3 thay thế. Nguyên đơn không chứng minh được Công ty Miền Nhiệt Đới sử dụng cọc TP1 làm cọc đại trà mà cho rằng việc Công ty Miền Nhiệt Đới có sử dụng cọc TP1 làm cọc đại trà hay không là việc của Công ty Miền Nhiệt Đới, không liên quan đến CC1. Như vậy, không có căn cứ xác định Công ty Miền Nhiệt Đới sử dụng cọc TP1 làm cọc đại trà.

[2.3.3] Như nhận định tại mục [2.1], Hợp đồng số 90 và Phụ lục số 335 là hợp đồng trọn gói có giá trị: 2.733.911.851 đồng, theo đó CC1 thi công 03 cọc thử cho Công ty Miền Nhiệt Đới, do cọc TP1 bị lỗi nên CC1 đã tiến hành thi công cọc TP1A thay thế cọc TP1. CC1 phải chịu rủi ro đối với cọc CT1 theo Điều 13 của Hợp đồng số 90. Tại Biên bản xác nhận giá trị khối lượng thanh toán đợt 1 ngày 09/01/2017, các bên đã xác nhận giá trị công việc thực hiện là 2.733.911.851 đồng - đây là biên bản cuối cùng giữa các bên về việc thực hiện Hợp đồng số 90 và Phụ lục số 335 và không có xác nhận về số tiền nào khác cũng như giá trị cọc TP1.

Như vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CC1 buộc Công ty Miền Nhiệt Đới thanh toán giá trị thi công cọc TP1 là: 602.230.714 đồng và

tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền trên từ ngày 10/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (58 tháng) với số tiền 261.970.360 đồng là không có căn cứ; kháng cáo của Công ty Miền Nhiệt Đới là có cơ sở chấp nhận.

Từ nhận định tại mục [2.1] – [2.3], có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty Miền Nhiệt Đới. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của CC1 về yêu cầu Công ty Miền Nhiệt Đới thanh toán cho CC1 số tiền 273.391.185 đồng; không chấp nhận yêu cầu của CC1 về yêu cầu Công ty Miền Nhiệt Đới phải thanh toán cho CC1 lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền 273.391.185 đồng tính từ ngày 10/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là $273.391.185đ \times 9\%/năm \times 58 \text{ tháng} = 118.925.165 \text{ đồng}$, thanh toán giá trị cọc thử TP1 là 602.230.714 đồng và toàn bộ số tiền lãi suất do chậm thanh toán tính từ ngày 10/9/2018 cho đến ngày xét xử là $602.230.714đ \times 9\%/năm \times 58 \text{ tháng} = 261.970.360 \text{ đồng}$. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do chấp nhận một phần yêu cầu của CC1, buộc Công ty Miền Nhiệt Đới phải thanh toán cho CC1 số tiền 273.391.185 đồng, nên Công ty Miền Nhiệt Đới phải chịu án phí sơ thẩm là: $273.391.185đ \times 5\% = 13.669.559 \text{ đồng}$; khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Do không chấp nhận một phần yêu cầu của CC1 với số tiền 983.126.238đ, nên CC1 phải chịu án phí sơ thẩm là: $36.000.000đ + (983.126.238đ \times 3\%) = 41.493.787 \text{ đồng}$.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Công ty Miền Nhiệt Đới.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 401 và Điều 403 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ vào Điều 85, Điều 87, Điều 302, Điều 303, Điều 304 và Điều 306 của Luật thương mại;
- Căn cứ vào các Điều 112, 113, 120, 121, 122, 123, 124, 138, 139, 140, 144, 145 và Điều 146 của Luật xây dựng;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số

09/2023/KDTM-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP. Buộc Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang thanh toán cho Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP số tiền: 273.391.185 đồng.

2. Bác yêu cầu của nguyên đơn Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP yêu cầu Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang phải trả số tiền 983.126.238 đồng (*Chín trăm tám mươi ba triệu một trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm ba tám đồng*).

3. Về án phí:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP phải nộp 41.493.787 đồng (*Bốn mươi một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.533.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000321 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP còn phải nộp 18.960.787 đồng (*Mười tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng*).

- Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang phải nộp 13.669.559 đồng (*Mười ba triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm năm mươi chín đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012179 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

*** Qui định:**

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và bản án có hiệu lực thi hành, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

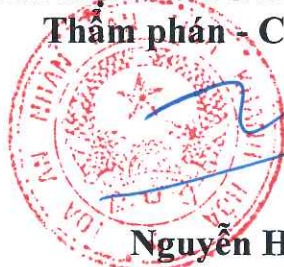
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố Nha Trang;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Chi cục THADS thành phố Nha Trang;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa



Nguyễn Hồng Tuấn